TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 379 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2018
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Quyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Vinh**
2. Ông **Nguyễn Tấn Thức**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2018/QĐST- HNGĐ ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị D**- Sinh năm 1987 - Địa chỉ: K383/H03/12 Cách Mạng Tháng 8, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Chu Thế N**- Sinh năm 1982 - Địa chỉ: K383/H03/12 Cách Mạng Tháng 8, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DVỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Chu Thế N kết hôn với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn cùng chung sống tại số 09 Ngô Thế Vinh,

quận H, thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 12 năm 2015 thì về sống tại K383/H03/12 Cách Mạng Tháng Tám, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 10 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng hay cãi vã nhau, chồng bà thường xuyên ăn chơi, cờ bạc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả và từ tháng 04 năm 2018 đến nay bà và ông N đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống.

Hiện nay về mặt tình cảm bà D không còn thương yêu ông Chu Thế N, theo bà D thì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn hiểu nhau và không thể hàn gắn để sống chung nên bà xin được ly hôn với ông Chu Thế N.

Về con chung: Bà và ông Chu Thế Ncó 01 con chung tên là Chu Thị Ngọc H - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2014. Ly hôn bà D có nguyện được nuôi con chung tên Chu Thị Ngọc H - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2014, và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có

Về nợ chung: Bà xác định không có

Tại bản khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Chu Thế N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đinh Thị D về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn ông và bà D về sống tại số 09 Ngô Thế Vinh, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 12 năm 2015 thì vợ chồng về sống tại K383/H03/12 Cách Mạng Tháng Tám, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 10 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, hay cãi vã nhau nhưng không đến mức không hòa giải được. Đến đầu tháng 08 năm 2018 thì bà D có làm đơn gửi lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông. Đồng thời cũng từ tháng 8 năm 2018 đến nay thì ông và bà D đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà D yêu cầu xin ly hôn, ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương yêu vợ con, những mâu thuẫn bà D nêu ra ông nghĩ chưa đến mức trầm trọng để ly hôn nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 01 con chung như bà Đinh Thị D trình bày. Ly hôn, ông không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng giao con chung tên Chu Thị Ngọc H cho bà Dtrực tiếp nuôi

dưỡng theo nguyện vọng của bà Đinh Thị D và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông xác định không có

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Toà án đã tống đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N không có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn ông Chu Thế N vắng mặt tại phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội Dvụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D, cho bà Đinh Thị D ly hôn ông Chu Thế N; giao con chung Chu Thị Ngọc H cho bà D nuôi dưỡng. Ông Chu Thế N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Chu Thế N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị D và ông Chu Thế N kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn cùng chung sống tại số 09 Ngô Thế Vinh, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 12 năm 2015 thì bà Dvà ông N về sống tại K383/H03/12 Cách Mạng Tháng Tám, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến tháng 10 năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Theo như lời khai của bà D thì nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, hay cãi vã nhau, ông N thường xuyên ăn chơi, cờ bạc mâu thuẫn giữa ông N và bà D mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả và từ tháng 04 năm 2018 đến nay ông bà đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dcho rằng bà không còn tình cảm với ông N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Xét thấy theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng giữa vợ chồng bà

Dvà ông N đều không thực hiện được điều đó. Bà Dkhẳng định không còn yêu thương ông N và cũng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông N đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông N không có thiện chí muốn hàn gắn để sống chung. Theo biên bản xác minh ngày 24/10/2018 về tình trạng hôn nhân giữa bà Đinh Thị D và ông Chu Thế N do đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Dung, ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ tháng 04 năm 2018 bà Dvà ông N đã tự động sống ly thân phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, nhìn chung cuộc sống hôn nhân giữa bà Dvà ông N không hạnh phúc.

Từ những nhận định trên:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị D đối với ông Chu Thế N.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Đinh Thị D xác nhận bà và ông N có 01 con chung tên là Chu Thị Ngọc H - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2014. Ly hôn, bà Dxin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông Chu Thế Ncấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà D thì thấy, hiện nay con chung còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy, giao con chung cho bà Dtrực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà D và áp dụng các Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Việt N xử giao con chung cho bà Đinh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 9 năm 2018 ông Chu Thế N trình bày trường hợp nếu ly hôn thì ông thống nhất giao con chung tên Chu Thị Ngọc H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của bà Dvà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

HĐXX xét thấy, hiện nay cháu Chu Ngọc H đang ở độ tuổi ăn học cần nhiều chi phí để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu, đồng thời đây cũng là sự tự nguyện của ông Chu Thế N. Nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Chu Thế N.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà D phải chịu là 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 56, 58,59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 227, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điều 6 và điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban th- ờng vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của bà Đinh Thị D đối với ông Chu Thế N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Thị D được ly hôn ông Chu Thế N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Chu Thị Ngọc H - Sinh ngày 08 tháng 4 năm 2014 cho bà Đinh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Chu Thế N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Đinh Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Chu Thế Nkhông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng ông Chu Thế N còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung hai bên đều có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Đinh Thị Dphải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Dđã nộp theo biên lai thu số 0005343 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con : 300.000đ ông Chu Thế Nphải chịu.

4. Báo cho bà Đinh Thị D biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng ông Chu Thế N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. Cẩm Lệ;*
- *CCTHADS Q.Cẩm Lệ;*
- *UBND P.Hòa Thuận Tây, Q.Hải Châu;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Quyên